

<p>- GV chia nhóm, phát giấy, bút cho các nhóm. + Bước 3: Các nhóm treo sản phẩm, cử đại diện trình bày. => Kết luận: Sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia. Cây ngô → châu chấu → ếch.</p>	<p>HS: Làm việc theo nhóm, vẽ sơ đồ...</p>
--	--

4. Củng cố - dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Buổi chiều:

Đạo đức

Giúp Đỡ các Gia đình neo đơn ở địa phương

I. Mục tiêu:

- Giúp HS biết: - Tại sao phải giúp đỡ các gia đình neo đơn.
- Giúp đỡ các gia đình neo đơn ở địa phương nơi mình đang sống bằng những việc làm cụ thể.
- Đồng tình, ủng hộ với những việc làm thể hiện sự giúp đỡ các gia đình neo đơn ở địa phương

II. Nội dung:

1. GV yêu cầu HS nêu những việc làm thể hiện sự giúp đỡ các gia đình chính sách ở địa phương

- Nuôi dưỡng người già neo đơn.
 - Chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ...
2. Làm thế nào để giúp đỡ các gia đình neo đơn ở địa phương có hiệu quả?
- Thành lập đội tình nguyện viên, phân chia công việc, thời gian cụ thể.
 - Tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau để mọi người hiểu, thông cảm và sẵn sàng giúp đỡ....
3. Đóng vai.
- Chia lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm tự nghĩ ra một tiểu phẩm nói về việc giúp đỡ các gia đình neo đơn sau đó phân vai diễn trước lớp.
 - Đại diện các nhóm lần lượt thể hiện.
 - Nhận xét về nội dung tiểu phẩm, diễn xuất của từng nhân vật và bình chọn nhóm diễn tốt nhất, có tiểu phẩm hay nhất.
4. Củng cố, dặn dò.
- Nhận xét tiết học. Y/c HS thực hiện nội dung bài học bằng những việc làm cụ thể.*

Luyện tiếng việt

luyện tập Mở rộng vốn từ: Lạc quan - yêu đời

I.Mục tiêu:

-Mở rộng về hệ thống hóa vốn từ về tinh thần lạc quan, yêu đời, trong các từ đó có từ Hán Việt.

-Biết thêm 1 số tục ngữ khuyên con người luôn lạc quan, bền gan không nản chí trong những hoàn cảnh khó khăn.

II.Đồ dùng dạy học:

Vở trắc nghiệm tiếng việt.

III.Các hoạt động dạy - học:

1.Giới thiệu:

2Nội dung:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò										
Bài 1. Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống: lạc quan, lạc hậu, lạc đề, liên lạc, thất lạc. a) Bài văn bị điểm kém vì đã viết . . . b)Con tàu vũ trụ thường xuyên với trái đất. c)Cần phải giữ gìn hồ sơ cẩn thận không bị ... d)Chị ấy sống rất ... yêu đời e)Nền kinh tế ...	-... lạc đề -... liên lạc -... thất lạc -... lạc quan... -... lạc hậu										
Bài 2. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.											
<table border="1"><thead><tr><th>A</th><th>B</th></tr></thead><tbody><tr><td>Tinh thần</td><td>Lạc đề</td></tr><tr><td>Tư tưởng</td><td>Lạc vắn</td></tr><tr><td>Bài thơ</td><td>Lạc hậu</td></tr><tr><td>Bài làm</td><td>Lạc quan</td></tr></tbody></table>	A	B	Tinh thần	Lạc đề	Tư tưởng	Lạc vắn	Bài thơ	Lạc hậu	Bài làm	Lạc quan	
A	B										
Tinh thần	Lạc đề										
Tư tưởng	Lạc vắn										
Bài thơ	Lạc hậu										
Bài làm	Lạc quan										
Bài 3. Phân các từ ghép dưới đây thành 3 nhóm rồi điền vào chỗ trống trong bảng. <i>Lạc quan, quan hệ, quan tâm, quan vắn, quan võ, sĩ quan, quan lại, quan sát, quan khách, tham quan, chủ quan, khách quan.</i>											
<table border="1"><tbody><tr><td>Quan có nghĩa là “quan chức”</td><td>Quan vắn, quan võ, sĩ quan, quan lại</td></tr><tr><td>Quan có nghĩa là “nhìn, xem:</td><td>Quan khách, quan sát, tham quan, lạc quan, khách quan, chủ quan</td></tr><tr><td>Quan có nghĩa là “liên hệ, gắn bó”</td><td>Quan hệ, quan tâm</td></tr></tbody></table>	Quan có nghĩa là “quan chức”	Quan vắn, quan võ, sĩ quan, quan lại	Quan có nghĩa là “nhìn, xem:	Quan khách, quan sát, tham quan, lạc quan, khách quan, chủ quan	Quan có nghĩa là “liên hệ, gắn bó”	Quan hệ, quan tâm					
Quan có nghĩa là “quan chức”	Quan vắn, quan võ, sĩ quan, quan lại										
Quan có nghĩa là “nhìn, xem:	Quan khách, quan sát, tham quan, lạc quan, khách quan, chủ quan										
Quan có nghĩa là “liên hệ, gắn bó”	Quan hệ, quan tâm										

3. Củng cố dặn dò:

NX tiết học. Y/c HS xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Luyện toán

ôn tập về các phép tính với phân số

I. Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập, củng cố kỹ năng phối hợp 4 phép tính với phân số để tính giá trị của biểu thức và giải bài toán có lời văn.

II. Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>+ Bài 1: Y/c HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong 1 biểu thức có và không có dấu ngoặc đơn.</p> <p>- GV cùng cả lớp chữa bài.</p> <p>a) $\left(\frac{6}{11} + \frac{5}{11}\right) \times \frac{3}{7} = \frac{11}{11} \times \frac{3}{7} = \frac{3}{7}$</p> <p>Hoặc: $\left(\frac{6}{11} + \frac{5}{11}\right) \times \frac{3}{7} = \frac{6}{11} \times \frac{3}{7} + \frac{5}{11} \times \frac{3}{7} = \frac{18}{77} + \frac{15}{77} = \frac{33}{77} = \frac{3}{7}$</p>	<p>HS: Đọc và tính bằng 2 cách.</p> <p>- 2 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.</p>
<p>+ Bài 2: HS có thể tính bằng nhiều cách. Tuy nhiên nên chọn cách thuận tiện.</p> <p>- Phân b y/c HS tự làm bài.</p> <p>+ Bài 3: Y/c HS đọc đề bài sau đó làm bảng và giải thích cách làm của mình trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi những em làm đúng.</p>	<p>$\frac{2}{5} \times \frac{3}{4} \times \frac{5}{6} : \frac{3}{4} = \frac{1}{4} : \frac{3}{4} = \frac{1}{4} \times \frac{4}{3} = \frac{1}{3}$</p> <p>HS: Đọc đề bài, suy nghĩ và tự làm.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm:</p> <p>$\frac{4}{5} : \frac{\square}{5} = \frac{4}{5} \times \frac{5}{\square} = \frac{4}{\square}$</p> <p>Từ đó $\frac{4}{\square} = \frac{1}{5}$ hay $\frac{4}{\square} = \frac{4}{20}$</p> <p>=> $\square = 20$.</p>
<p>+ Bài 4: Y/c HS tóm tắt bài toán và tự làm bài.</p>	<p>Vậy khoanh vào D.</p> <p>- Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm.</p> <p>- Dán bảng và trình bày.</p> <p>Số vải đã may quần áo là:</p>

<p>- GV chữa bài cho HS.</p>	<p>$(20 : 5) \times 4 = 16$ (m) Số vải còn lại là: $20 - 16 = 4$ (m) Số túi đã may được là: $4 : \frac{2}{3} = 6$ (cái túi) Đáp số: 6 cái túi.</p>
------------------------------	---

3. Củng cố, dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Thứ tư ngày 15 tháng 4 năm 2015

Buổi sáng:

Tin học

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Tập đọc

Con chim chiến chiến

(Huy Cận)

I. Mục tiêu:

- Đọc lưu loát bài thơ. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng hồn nhiên, vui tươi tràn đầy tình yêu cuộc sống.
- Hiểu ý nghĩa của bài thơ.
- Học thuộc lòng bài thơ.

II. Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra:

3 HS đọc phân vai truyện *Vương quốc vắng nụ cười* và nêu ND.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Luyện đọc và tìm hiểu bài:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p><i>a. Luyện đọc:</i> - GV nghe, kết hợp sửa sai, giải nghĩa từ khó. - GV đọc diễn cảm toàn bài.</p>	<p>HS: Nối tiếp nhau đọc 6 khổ thơ. - Luyện đọc theo cặp. - 2 - 3 HS đọc cả bài.</p>
<p><i>b. Tìm hiểu bài:</i> ? Con chim chiến chiến bay lượn giữa</p>	<p>HS: Đọc thầm và trả lời câu hỏi. - Bay lượn trên cánh đồng lúa, giữa một</p>

<p>khung cảnh đẹp như thế nào ? Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ lên hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay lượn giữa không gian cao rộng ? Tìm những câu thơ nói về tiếng hót của con chim chiến chiến</p> <p>? Tiếng hót của chim chiến chiến gợi cho em những cảm giác như thế nào</p> <p><i>c.Hướng dẫn đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ:</i></p> <p>- GV hướng dẫn cả lớp luyện đọc và thi đọc diễn cảm 1 đoạn trên bảng phụ.</p>	<p>không gian rất cao, rất rộng.</p> <p>- Lúc sà xuống cánh đồng, lúc vút lên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khúc hát ngọt ngào. - Tiếng hót long lanh - Như cành sương chổi - Tiếng ngọc trong veo <p>-Gợi cho em thấy 1 cuộc sống rất thanh bình, hạnh phúc.</p> <p><i>lòng bài thơ:</i></p> <p>HS: 3 em nối nhau đọc 6 khổ thơ.</p> <p>HS: Nhắm học thuộc lòng bài thơ, thi đọc thuộc lòng từng khổ thơ và thi đọc thuộc lòng cả bài thơ.</p>
---	--

3.Củng cố , dặn dò:
- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Mỹ thuật

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Toán

ôn tập về các phép tính với phân số (Tiếp)

I.Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập, củng cố kỹ năng tính cộng trừ, nhân chia các phân số và giải toán có lời văn.

II.Đồ dùng dạy học.

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu bài:

2.Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
+ Bài 1: Y/c HS viết tổng, hiệu, tích, thương của 2 PS: 4/5 và 2/7 rồi tính.	HS: Đọc yêu cầu và tự làm bài rồi chữa bài.

- GV cùng cả lớp nhận xét.

$$\text{a) } \frac{4}{5} + \frac{2}{7} = \frac{28}{35} + \frac{10}{35} = \frac{38}{35}$$

$$\text{b) } \frac{4}{5} - \frac{2}{7} = \frac{28}{35} - \frac{10}{35} = \frac{18}{35}$$

+ Bài 2: Y/c HS tính và điền KQ vào ô trống.

+ Bài 3: GV yêu cầu HS tự tính.

- GV cùng cả lớp nhận xét:

$$\begin{aligned} \text{a) } \frac{2}{3} + \frac{5}{2} - \frac{3}{4} &= \frac{8}{12} + \frac{30}{12} - \frac{9}{12} \\ &= \frac{38}{12} - \frac{9}{12} = \frac{29}{12} \end{aligned}$$

+ Bài 4: GV gợi ý cho HS.

a) Số phần bể nước sau 2 giờ vòi nước đó chảy được:

$$\frac{2}{5} + \frac{2}{5} = \frac{4}{5} \text{ (bể)}$$

b) Số lượng nước còn lại chiếm số phần bể là:

$$\frac{4}{5} - \frac{1}{2} = \frac{3}{10} \text{ (bể)}$$

Đáp số: $\frac{3}{10}$ bể

- 4 HS lên bảng làm.

$$\text{c) } \frac{4}{5} \times \frac{2}{7} = \frac{8}{35}$$

$$\text{d) } \frac{4}{5} : \frac{2}{7} = \frac{4}{5} \times \frac{7}{2} = \frac{28}{10}$$

HS: Đọc yêu cầu và làm bài cá nhân vào vở.

- 2 HS lên bảng làm.

- Cả lớp đối chiếu kết quả, nhận xét.

HS: Đọc đầu bài và tự làm vào vở.

- Hai HS lên bảng làm bài.

$$\text{b) } \frac{1}{2} \times \frac{1}{3} + \frac{1}{4} = \frac{1}{6} + \frac{1}{4} = \frac{2}{12} + \frac{3}{12} = \frac{5}{12}$$

-Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm.

-Dán bảng và trình bày.

3. Củng cố, dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Buổi chiều:

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

I. Mục tiêu:

- Biết kể tự nhiên bằng lời kể của mình.
- Trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.
- Lắng nghe bạn kể, nhận xét đúng lời kể của bạn.

II. Đồ dùng dạy học:

Chuẩn bị những câu chuyện viết về những người có tinh thần lạc quan, luôn yêu đời.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

A. Kiểm tra:

2 HS tiếp nối nhau kể chuyện *Khát vọng sống* và nêu ý nghĩa.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS kể chuyện:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<i>a. Hướng dẫn HS hiểu yêu cầu bài tập:</i> - GV ghi đề bài lên bảng, GV gạch dưới những từ quan trọng.	- Nối tiếp nhau đọc các gợi ý 1, 2. Cả lớp theo dõi. - Một số HS nối nhau giới thiệu tên câu chuyện mình kể.
<i>b. Thực hành kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện:</i> * Thi kể trước lớp: - Cả lớp và GV nhận xét, cho điểm. - Cả lớp bình chọn bạn tìm được câu chuyện hay nhất, bạn kể chuyện lôi cuốn nhất, bạn đặt câu hỏi thông minh nhất.	- Mỗi HS kể xong, nói ý nghĩa câu chuyện.

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Dặn HS đọc trước để chuẩn bị nội dung cho bài kể chuyện được chứng kiến hoặc được tham gia ở tuần 34.

Luyện tiếng việt

Luyện đọc: Con chim chiến chiến

I. Mục tiêu:

- Đọc lưu loát bài thơ. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng hồn nhiên, vui tươi tràn đầy tình yêu cuộc sống.
- Hiểu ý nghĩa của bài thơ.
- Học thuộc lòng bài thơ.

II. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Luyện đọc và tìm hiểu bài:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<i>a. Luyện đọc:</i> - GV nghe, kết hợp sửa sai, giải nghĩa từ khó. - GV đọc diễn cảm toàn bài.	HS: Nối tiếp nhau đọc 6 khổ thơ. - Luyện đọc theo cặp. - 2 - 3 HS đọc cả bài.

<p><i>b.Tìm hiểu bài:</i></p> <p>? Con chim chiền chiện bay lượn giữa khung cảnh đẹp như thế nào</p> <p>? Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ lên hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao rộng</p> <p>? Tìm những câu thơ nói về tiếng hót của con chim chiền chiện</p> <p>? Tiếng hót của chim chiền chiện gợi cho em những cảm giác như thế nào</p> <p><i>c.Hướng dẫn đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ:</i></p> <p>- GV hướng dẫn cả lớp luyện đọc và thi đọc diễn cảm 1 đoạn trên bảng phụ.</p>	<p>HS: Đọc thầm và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Bay lượn trên cánh đồng lúa, giữa một không gian rất cao, rất rộng.</p> <p>- Lúc sà xuống cánh đồng, lúc vút lên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khúc hát ngọt ngào. - Tiếng hót long lanh - Như cành sương chổi - Tiếng ngọc trong veo <p>-Gợi cho em thấy 1 cuộc sống rất thanh bình, hạnh phúc.</p> <p>HS: 3 em nối nhau đọc 6 khổ thơ.</p> <p>HS: Nhắm học thuộc lòng bài thơ, thi đọc thuộc lòng từng khổ thơ và thi đọc thuộc lòng cả bài thơ.</p>
---	--

3.Củng cố , dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Khoa học

Chuỗi thức ăn trong tự nhiên

I.Mục tiêu:

- HS có thể vẽ và trình bày sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ.
- Biết và vẽ được 1 số chuỗi thức ăn trong tự nhiên.
- Hiểu thế nào là chuỗi thức ăn.

II.Đồ dùng dạy học:

- Hình trang 132, 133 SGK, giấy khổ to

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra bài cũ:

Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên diễn ra như thế nào?

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hoạt động 1: Thực hành vẽ sơ đồ mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật với nhau và giữa sinh vật với yếu tố vô sinh:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
* Bước 1: Làm việc cả lớp.	HS: Quan sát H1 trang 132 SGK để trả

<p>? Thức ăn của bò là gì ? Giữa bò và cỏ có quan hệ gì ? Phân bò được phân hủy trở thành chất gì cung cấp cho cỏ ? Giữa phân bò và cỏ có quan hệ gì * Bước 2: Làm việc theo nhóm. - GV chia nhóm, phát giấy</p> <p>* Bước 3:</p> <p>3.Hoạt động 2: Hình thành khái niệm chuỗi thức ăn: * Bước 1: Làm việc theo cặp. ? Kể tên những gì được vẽ trong sơ đồ ? Chỉ và nói mối quan hệ về thức ăn trong sơ đồ đó * Bước 2: Hoạt động cả lớp. - GV nhận xét và giảng: Trong sơ đồ H2 trang 133 SGK, cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo là thức ăn của nhóm vi khuẩn hoại sinh. Nhờ có nhóm vi khuẩn hoại sinh mà các xác chết hữu cơ trở thành những chất khoáng (chất vô cơ). Những chất khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ và cây khác.</p> <p>=> Kết luận: (SGK).</p>	<p>lời câu hỏi. - Cỏ. - Cỏ là thức ăn của bò. - Chất khoáng. - Phân bò là thức ăn của cỏ.</p> <p>HS: Làm việc theo nhóm vẽ sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ bằng chữ. - Các nhóm treo sản phẩm và trình bày: <i>phân bò → cỏ → bò</i></p> <p>HS: Quan sát sơ đồ H2 trang 133 SGK.</p> <p>HS: Một số em lên trả lời câu hỏi trên.</p> <p>HS: 3 - 4 em đọc.</p>
<p>4.Củng cố, dặn dò: - Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.</p>	

Thứ năm ngày 16 tháng 4 năm 2015

Buổi sáng:

Tập làm văn

Miêu tả con vật (Kiểm tra viết)

I.Mục tiêu:

- HS thực hành viết bài văn miêu tả con vật sau giai đoạn học về văn miêu tả con vật. Bài viết đúng với yêu cầu của đề, có đủ ba phần, diễn đạt thành câu, lời văn chân thực, tự nhiên

II.Đồ dùng:

Tranh minh họa các con vật trong SGK.

III.Các hoạt động:

1.GV chép các đề bài (4 đề) trong SGK lên bảng (hoặc GV có thể ra đề khác).

- HS đọc các đề đó, chọn 1 trong số các đề trên để làm bài.

2.GV nhắc nhở HS trước khi làm bài:

- Đọc thật kỹ đề bài.
- Nên lập dàn ý trước khi viết, nên nháp trước khi viết vào giấy kiểm tra.

3.HS suy nghĩ, viết bài vào giấy kiểm tra.

4.Củng cố, dặn dò:

- GV nhận xét giờ kiểm tra.
- Thu bài về nhà chấm.

Âm nhạc

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Toán

ôn tập về đại lượng

I.Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố các đơn vị đo khối lượng và bảng các đơn vị đo khối lượng.
- Rèn kỹ năng chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng và giải các bài toán có liên quan.

II.Đồ dùng dạy học.

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn ôn tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
+ Bài 1: Y/c HS tự làm bài. -Gọi HS tiếp nối nhau đọc kết quả. $1 \text{ yến} = 10 \text{ kg}$ $1 \text{ tạ} = 100 \text{ kg}$ $1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$ + Bài 2: Y/c HS nêu cách đổi. -NX các ý kiến của HS và thống nhất cách làm. -Gọi HS đọc bài làm của mình. $\frac{1}{2} \text{ yến} = 10 \text{ kg} \times \frac{1}{2} = 5 \text{ kg.}$ $1 \text{ yến } 8 \text{ kg} = 10 \text{ kg} + 8 \text{ kg} = 18 \text{ kg.}$ + Bài 3: GV hướng dẫn chuyển đổi rồi so sánh kết quả để tìm dấu thích hợp.	-Lớp làm vở, 6 em tiếp nối nhau đọc KQ. -Cả lớp theo dõi và NX. $1 \text{ tạ} = 10 \text{ yến}$ $1 \text{ tấn} = 10 \text{ tạ}$ $1 \text{ tấn} = 100 \text{ yến}$ - 1 số HS nêu cách làm của mình. -Tự làm bài vào vở. $7 \text{ tạ } 20 \text{ kg} = 720 \text{ kg}$ $3 \text{ tấn } 25 \text{ kg} = 3025 \text{ kg}$ $4000 \text{ kg} = 4 \text{ tấn}$ HS: Đọc yêu cầu và làm bài vào vở. - 3 em lên bảng làm bài.